

Số: **2992** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **17** tháng **6** năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Nhựa Việt Nam
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 1 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nhẹ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

a) Phát triển ngành Nhựa Việt Nam phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam, phù hợp với xu thế và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá, từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

b) Phát triển ngành Nhựa Việt Nam trên cơ sở phát huy được tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, tạo sự phát triển cân đối giữa các vùng, đồng thời tạo ra sự hợp tác, hỗ trợ thúc đẩy phát triển hài hoà với các ngành công nghiệp khác.

c) Phát triển ngành Nhựa Việt Nam theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hoá, tạo ra năng suất lao động cao, coi trọng chất lượng tăng trưởng và giá trị tăng thêm của sản xuất công nghiệp.

d) Phát triển ngành Nhựa Việt Nam đảm bảo hiệu quả, ổn định và bền vững gắn với bảo vệ môi sinh, môi trường.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Từng bước xây dựng và phát triển ngành Nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, xử lý phế liệu nhựa và chế biến thành nguyên liệu, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vững chắc vào kinh tế khu vực và thế giới.

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hoá về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao, để ngành Nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giá trị sản xuất công nghiệp ngành Nhựa theo giá so sánh 1994 đến năm 2015 đạt 78.500 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt 181.577 tỷ đồng và đến năm 2025 đạt 390.000 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2015 đạt 17,56%; giai đoạn 2016-2020 đạt 18,26% và giai đoạn 2021-2025 đạt 16,52%.

- Giá trị tăng thêm ngành Nhựa tính theo giá so sánh 1994 đến năm 2015 đạt 10.908 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt 19.319 tỷ đồng và đến năm 2025 đạt 32.274 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 đạt 12,75%; giai đoạn 2016-2020 đạt 12,11% và giai đoạn 2021-2025 đạt 10,81%;

- Phần đầu tỷ trọng ngành Nhựa so với toàn ngành Công nghiệp đến năm 2015 đạt 5,0%, đến năm 2010 đạt 5,5% và đến năm 2025 đạt 6,0%.

- Chuyển dịch cơ cấu các nhóm sản phẩm nhựa theo hướng giảm tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật. Mục tiêu đến năm 2015 nhóm sản phẩm nhựa bao bì chiếm tỷ trọng 36%; nhựa gia dụng 20%; nhựa vật liệu xây dựng 23% và nhựa kỹ thuật 21%. Năm 2020 tỷ trọng các nhóm sản phẩm tương ứng là 34,0%; 18,0%; 25,0% và 23%. Đến năm 2025 tỷ trọng các nhóm sản phẩm tương ứng là 31,0%; 17,0%; 27,0% và 25,0%.

- Sản lượng các sản phẩm ngành Nhựa đến năm 2015 đạt 7,5 triệu tấn, đến năm 2020 đạt 12,5 triệu tấn.

- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 2,15 tỷ USD, đến năm 2020 đạt 4,3 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 đạt 15,43%; giai đoạn 2016-2020 đạt 14,87% .

3. Định hướng phát triển:

a) Phát triển ngành Nhựa Việt Nam theo hướng hiện đại, tăng cường tự động hoá, từng bước loại bỏ công nghệ, thiết bị cũ, thay thế bằng thiết bị tiên tiến, hiện đại của thế giới, sử dụng công nghệ vật liệu mới đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng, an toàn, vệ sinh, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của Việt Nam và quốc tế.

b) Đầu tư phát triển ngành Nhựa đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao, giá thành hạ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, bảo đảm môi trường sinh thái.

c) Huy động tổng hợp mọi nguồn lực trong và ngoài nước tập trung đầu tư các nhà máy sản xuất nguyên liệu, bán thành phẩm, hóa chất, phụ gia cho ngành Nhựa. Bên cạnh đó khuyến khích đầu tư sản xuất khuôn mẫu, phụ tùng, thiết bị cho ngành Nhựa, khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp xử lý phế liệu, phế thải ngành Nhựa.

4. Quy hoạch phát triển

a) Quy hoạch phát triển các nhóm sản phẩm ngành Nhựa:

Để thực hiện được các mục tiêu về giá trị sản xuất công nghiệp, về sản lượng và cơ cấu các nhóm sản phẩm, ngành Nhựa thực hiện đầu tư từng giai đoạn như sau:

Giai đoạn 2011 – 2015:

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa bao bì tăng thêm 1.218.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 13.885 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa vật liệu xây dựng tăng 927.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 7.898 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa gia dụng tăng thêm 702.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 6.571 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa kỹ thuật tăng thêm 853.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 15.354 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016 – 2020:

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa bao bì tăng thêm 1.550.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 15.810 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa vật liệu xây dựng tăng thêm 1.400.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 10.752 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa gia dụng tăng thêm 750.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 6.480 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng mới và mở rộng công suất các cơ sở sản xuất hiện có để nâng lực sản xuất nhựa kỹ thuật tăng thêm 1.300.000 tấn. Tổng vốn đầu tư dự kiến 20.280 tỷ đồng.

b) Quy hoạch phát triển nguyên liệu, hoá chất phụ gia cho ngành Nhựa

Giai đoạn 2011 - 2015:

Đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất nguyên liệu nhựa PE, nhựa PS, nhựa Melamine. (Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo Quyết định này).

Giai đoạn 2016 - 2020:

Đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất nguyên liệu nhựa polyvinyl Clorua E (PVC-E), nhựa PE, nhựa PS, nhựa PP. (Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo Quyết định này).

c) Quy hoạch phát triển ngành cơ khí chế tạo thiết bị và khuôn mẫu cho ngành Nhựa

Giai đoạn 2011 - 2015:

Xây dựng 01 nhà máy chế tạo khuôn mẫu lớn ở miền Bắc và 02 nhà máy ở miền Nam, tổng vốn đầu tư 5 triệu USD/01 nhà máy. (Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo Quyết định này)

Giai đoạn 2016 - 2020:

- Xây dựng 03 nhà máy chế tạo khuôn mẫu lớn ở miền Bắc và 05 nhà máy ở miền Nam, tổng vốn đầu tư dự kiến 5 triệu USD/01 nhà máy. (Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo Quyết định này).

- Xây dựng 02 nhà máy chế tạo thiết bị cho ngành, tổng vốn đầu tư dự kiến 50 triệu USD/01 nhà máy. (Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo Quyết định này)

d) Quy hoạch tái chế phế liệu nhựa:

Giai đoạn 2011 - 2015:

- Xây dựng 01 nhà máy tái chế phế liệu nhựa ở miền Bắc.
- Xây dựng 01 Khu công nghiệp liên hợp xử lý và tái chế phế liệu nhựa ở miền Nam.

- Kêu gọi đầu tư 01 nhà máy tái chế phế liệu nhựa ở miền Nam.

Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

Giai đoạn 2016 - 2020:

- Kêu gọi đầu tư (hoặc mở rộng) 01 nhà máy tái chế phế liệu nhựa ở miền Bắc.

- Kêu gọi đầu tư (hoặc mở rộng) 01 nhà máy tái chế phế liệu nhựa ở miền Nam.

Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

d) Quy hoạch phân bố không gian

Phân vùng phát triển: Quy hoạch phân bố về không gian của ngành nhựa dựa trên những yêu cầu sau:

- Xoay quanh ba trung tâm của ba miền: Bắc, Trung, Nam;
- Gắn liền với thị trường sản xuất các sản phẩm nhằm tiết kiệm chi phí vận chuyển;
- Tăng cường đầu tư mới tại những khu vực có thị trường nhưng chưa có sản xuất;
- Gắn với ba vùng nguyên liệu ngành nhựa: Nghi Sơn, Dung Quất và Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Tập trung vào những khu công nghiệp tập trung chuyên ngành nhựa hoặc các khu công nghiệp khác để giảm chi phí dịch vụ, tăng cường hỗ trợ lẫn nhau và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Cơ cấu sản phẩm theo ba miền:

- Đến năm 2015 cơ cấu sản phẩm nhựa theo ba miền như sau: Miền Bắc chiếm tỷ trọng 14,8%; miền Trung 2,7% và miền Nam 82,5%.

- Đến năm 2020 cơ cấu sản phẩm nhựa theo 03 miền tương ứng chiếm tỷ trọng 16,6%; 3,1% và 80,3%.

5. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư là 175.530 tỷ đồng, trong đó:

Giai đoạn 2011-2015 là 88.624 tỷ đồng, bao gồm:

- Nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án sản xuất sản phẩm nhựa là 43.708 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án sản xuất nguyên liệu nhựa là 16.600 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư cho ngành cơ khí chế tạo thiết bị và khuôn mẫu nhựa là 300 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án tái chế phế liệu nhựa là 2.600 tỷ đồng

Giai đoạn 2016-2020 là 152.442 tỷ đồng, bao gồm:

- Nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án sản xuất sản phẩm nhựa là 53.322 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án sản xuất nguyên liệu nhựa là 55.000 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư cho ngành cơ khí chế tạo thiết bị và khuôn mẫu nhựa là 2.800 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án tái chế phế liệu nhựa là 1.200 tỷ đồng

6. Các giải pháp và chính sách

a) Những giải pháp chủ yếu

Giải pháp về vốn:

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư như: vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay tín dụng trong nước, vốn liên doanh liên kết, vốn vay ưu đãi của Chính phủ và nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Nguồn vốn tích lũy của doanh nghiệp dự kiến đáp ứng được khoảng 28-30% nhu cầu về vốn (49.148 tỷ đồng), tập trung cho đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, phát triển nguồn nhân lực cho ngành.

Vốn vay tín dụng trong nước dự kiến khoảng 24.574 tỷ đồng (12-14%).

Kêu gọi nguồn vốn liên doanh, liên kết (với các Tập đoàn, Tổng Công ty) dự kiến khoảng 31.595 tỷ đồng (18-20%) và nguồn vốn kêu gọi được từ đầu tư nước ngoài dự kiến khoảng 52.659 tỷ đồng (30-32%), tập trung cho việc xây dựng mới các dự án sản xuất các sản phẩm cần chuyển dịch đầu tư phục vụ công nghiệp và xây dựng (như nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật), các dự án sản xuất nguyên liệu nhựa, cơ khí chế tạo thiết bị và khuôn mẫu, các dự án tái chế phế liệu nhựa.

Vốn vay ưu đãi của Chính phủ dự kiến huy động khoảng 17.553 tỷ đồng (10-12%), tập trung đầu tư chủ yếu vào các dự án phát triển nguồn nguyên liệu nhựa (từ các nhà máy lọc hóa dầu)...

- Khuyến khích các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài đầu tư tài chính, chất xám vào sản xuất các phụ tùng thay thế cho phụ tùng, linh kiện còn phải nhập ngoại của các nhà máy đã đi vào hoạt động hay đang có kế hoạch đầu tư.

- Nghiên cứu lập quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển để điều phối và cung ứng nguồn tài chính cho các dự án ưu tiên.

Giải pháp về thị trường:

Đối với thị trường trong nước:

- Tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu và lưu thông trên thị trường trong nước để chống hàng lậu, hàng kém chất lượng, nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đẩy mạnh tuyên truyền và hướng dẫn người tiêu dùng đánh giá chất lượng và lựa chọn sản phẩm nhựa Việt Nam khi mua hàng. Khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm về các địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra, nghiên cứu, dự báo thị trường và xúc tiến thương mại để có các dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời về thị trường, mục tiêu của các doanh nghiệp sản xuất. Từ đó hỗ trợ cho doanh nghiệp trong ngành thu thập, xử lý các thông tin về thị trường thông qua các công thông tin điện tử và các phương tiện thông tin khác.

- Tăng cường và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm trong nước, các chương trình tuyên truyền quảng cáo để các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm.

- Có chiến lược cụ thể để mở rộng và làm chủ thị trường trong nước. Trước mắt tập trung cho thị trường có sức mua lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng và Vùng Đồng bằng sông Cửu Long...

- Xây dựng các hàng rào kỹ thuật như áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng đối với sản phẩm nhập khẩu, các loại thuế nhập khẩu, kiện chống bán phá giá, đánh thuế môi trường ... để bảo vệ nền sản xuất trong nước.

Đối với thị trường xuất khẩu:

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại ở nước ngoài, đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường xuất khẩu, bao gồm cả các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng, tạo cơ sở cho việc phát huy các lợi thế so sánh của ngành Nhựa phù hợp với nhu cầu của các thị trường chủ chốt. Tăng cường tiếp cận với các bạn hàng trực tiếp, giảm dần các khâu trung gian.

- Liên kết chặt chẽ với các hiệp hội nhựa các khu vực, các hiệp hội nhựa các nước trên thế giới qua các kỳ triển lãm, diễn đàn, hội nghị để hợp tác, phát triển thị trường.

- Thiết lập các chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài để bán sản phẩm, nghiên cứu thị trường. Thiết lập hệ thống thông tin trong khu vực và toàn cầu bằng nhiều hình thức (trung tâm thông tin, mạng thông tin máy tính...) để có thể cập nhật thường xuyên và nhanh chóng nhu cầu thị trường trong khu vực và trên thế giới.

- Tổ chức những trung tâm tư vấn đầu tư về đầu tư sản phẩm, kỹ thuật công nghệ có khả năng phân tích tốt và dự báo chính xác các vấn đề mà các nhà sản xuất quan tâm.

Đối với doanh nghiệp:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thị trường, thực hiện thương mại điện tử: quảng cáo trên Website, gửi thư tin điện tử (email), giao dịch điện tử...

- Xây dựng chiến lược thị trường của doanh nghiệp cho từng chủng loại sản phẩm, đảm bảo phù hợp với nội dung các hiệp định, các cam kết quốc tế để tận dụng tối đa ưu thế của Việt Nam đồng thời không vi phạm các cam kết. Đẩy mạnh nghiên cứu đưa ra thị trường sản phẩm mới, đa dạng hoá các sản phẩm và nâng cao chất lượng để tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp.

- Chú trọng xây dựng và phát triển rộng khắp hệ thống đại lý và tiêu thụ sản phẩm, phát huy vai trò của các chi nhánh nhằm tăng tính chủ động trong kinh doanh.

- Các doanh nghiệp chủ động phát hiện những hành vi gian lận và cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường, kết hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng các biện pháp ngăn chặn. Với hoạt động xuất khẩu, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong nội bộ ngành dẫn đến thiệt hại chung.

Giải pháp xây dựng thương hiệu sản phẩm:

- Các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển thương hiệu sản phẩm của mình dựa trên cơ sở truyền thống, thói quen tiêu dùng của người Việt Nam.

- Có chiến lược phát triển lâu dài đối với các thương hiệu Việt đã nổi tiếng, có uy tín trong nước trên cơ sở mở rộng sản xuất để giữ vững và phát triển thị phần, nâng cao chất lượng sản phẩm, không ngừng cải tiến mẫu mã, đa dạng hoá chủng loại sản phẩm, củng cố và phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm bảo đảm tin cậy, thuận lợi, uy tín với khách hàng.

- Chú trọng xây dựng các tiêu chuẩn sản phẩm như: mã vạch, tem sản phẩm... để chống hàng nhái, hàng gian lận thương mại, hàng nhập lậu.

- Tăng cường giám sát bảo hộ thương hiệu, nhãn mác, kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm, đấu tranh chống hàng lậu, hàng kém chất lượng để bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Nghiên cứu tổ chức bình chọn và công bố danh hiệu thương hiệu “Nhựa Việt Nam tiêu biểu” hàng năm theo tiêu chí thống nhất để khuyến khích doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu.

Giải pháp về đầu tư

- Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách liên quan đến thu hút FDI theo hướng thông thoáng, hấp dẫn nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ và phù hợp với thông lệ quốc tế. Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào ngành nhựa được tìm hiểu, xúc tiến và ký kết các hợp đồng đầu tư với những điều kiện thuận lợi nhất.

- Ban hành Danh mục những chủng loại sản phẩm nhựa khuyến khích đầu tư nhằm định hướng và tạo thông tin minh bạch cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

- Không cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư có công nghệ, thiết bị lạc hậu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất kết hợp đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách triển khai các giải pháp khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao nhằm thỏa mãn nhu cầu các lĩnh vực công nghệ cao của nền kinh tế quốc dân.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách, triển khai các giải pháp phát triển công nghiệp xử lý phế liệu nhựa.

- Định hướng và kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các lĩnh vực công nghệ cao của ngành Nhựa, đạt trình độ tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu.

Giải pháp về quản lý ngành

- Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn sản xuất đối với các sản phẩm nhựa theo thông lệ quốc tế để làm cơ sở cho việc giám sát, kiểm tra các sản phẩm của ngành.

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn về an toàn đối với các sản phẩm nhựa gia dụng để đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh hơn nữa vai trò của hiệp hội nhựa trong việc tham mưu cho Bộ Công Thương xây dựng chính sách phát triển ngành và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Tăng cường vai trò của Hiệp hội Nhựa Việt Nam trong các lĩnh vực: nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm, xúc tiến đầu tư, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

- Thiết lập và duy trì quan hệ tương tác giữa các cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và hiệp hội nhựa chặt chẽ và chủ động hơn để tạo lập môi

trường thể chế, chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong những lĩnh vực phát triển trọng tâm của ngành Nhựa Việt Nam trong từng giai đoạn cụ thể.

- Thành lập trung tâm kiểm định chất lượng sản phẩm với trang thiết bị tiên tiến, đảm bảo kiểm định được chất lượng sản phẩm nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với việc hội nhập khu vực và thế giới.

- Nghiên cứu thành lập trung tâm đào tạo, tư vấn kỹ thuật và thông tin tiếp thị chuyên ngành.

Giải pháp về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp nhựa đầu tư nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất; mua công nghệ, thiết bị tiên tiến của các nước phát triển, nhận chuyển giao công nghệ của các công ty hàng đầu thế giới để sản xuất các sản phẩm nhựa chất lượng cao, chất phụ gia cho ngành nhựa, các loại nguyên liệu nhựa trong nước còn chưa sản xuất được.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thông qua liên doanh, liên kết thực hiện chuyển giao công nghệ sản xuất thiết bị trong nước cho ngành Nhựa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật hiện đại.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động sáng kiến trong ngành để tạo ra các giải pháp công nghệ, bí quyết sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tạo ra mặt hàng có giá trị cạnh tranh cao.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu cho một số Viện nghiên cứu để có khả năng tập trung nghiên cứu các vấn đề khoa học công nghệ phục vụ ngành Nhựa, nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm nhựa phù hợp với nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

- Khuyến khích sử dụng và sản xuất nhựa tái sinh, quy định những sản phẩm nào đã qua sử dụng phải được tái sinh, cập nhật những thành tựu của thế giới về các loại vật liệu nhựa mới có khả năng tự phân hủy, các loại nhựa sinh học, nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường như các loại bao bì trên cơ sở tinh bột hoặc màng từ polyninylalcol.

- Khuyến khích tổ chức hệ thống thu gom và đầu tư các cơ sở sản xuất hiện đại chế biến nhựa phế liệu để tăng nguồn nguyên liệu cho ngành nhựa và giảm thiểu vấn đề môi trường.

- Xây dựng các cụm công nghiệp chuyên tái chế phế liệu nhựa để đảm bảo môi trường.

- Xây dựng những quy định cụ thể về môi trường cho việc nhập khẩu nhựa phế liệu và chế biến nhựa phế liệu.

- Xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển công nghệ để hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào ngành nhựa nhằm đổi mới công nghệ, áp dụng các hình

thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm tiên tiến nhằm hạ giá thành, nâng cao sức cạnh tranh.

- Thiết lập trung tâm cung cấp thông tin chuyển giao công nghệ, tạo lập và phát triển thị trường khoa học công nghệ; Các chi phí cho các hoạt động tìm kiếm nguồn công nghệ phù hợp nhằm thúc đẩy sản xuất, thay đổi công nghệ được tính vào chi phí thực tế của doanh nghiệp.

Giải pháp về phát triển sản xuất nguyên liệu cho ngành:

- Có chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất nguyên liệu nhựa, nhằm thỏa mãn nhu cầu nguyên liệu nhựa trong nước và một phần xuất khẩu.

- Gắn kết sản xuất nguyên liệu nhựa với công nghiệp hóa dầu. Đẩy nhanh tiến độ các dự án lọc hóa dầu tạo ra sản phẩm hóa dầu thượng nguồn cung cấp nguyên liệu cho ngành nhựa.

- Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia sản xuất nguyên liệu nhựa ở Việt Nam trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu dầu khí trong nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư của ngành hoá dầu, hoá chất và ngành nhựa trong nước liên doanh nhằm tận dụng thế mạnh trong việc cung cấp nguồn nguyên liệu (dầu khí), khả năng vốn và bao tiêu sản phẩm.

Giải pháp về phát triển khuôn mẫu cho ngành Nhựa:

- Đầu tư thiết bị chế tạo khuôn mẫu để sản xuất các sản phẩm kỹ thuật phục vụ công nghiệp, nông nghiệp nhằm thay thế vật liệu tự nhiên.

- Xây dựng chương trình khoa học công nghệ để tạo ra các sản phẩm khuôn mẫu quốc gia là những sản phẩm đạt trình độ quốc tế và có khả năng xuất khẩu. Chương trình này phải xuất phát từ những sản phẩm có tiềm năng của doanh nghiệp và có sự hợp tác chặt chẽ với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong và ngoài nước để hoàn thiện công nghệ, sản phẩm công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm công nghệ.

- Nghiên cứu, sản xuất, chế tạo những khuôn mẫu từ vật liệu mới, chất lượng cao mà Việt Nam chưa có để thay thế hàng nhập khẩu.

Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Song song với việc đào tạo tập trung tại các trường chuyên nghiệp, các doanh nghiệp cần có tỷ lệ chi phí thoả đáng cho đào tạo lại đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật, cần thiết có thể đào tạo ở nước ngoài để sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết bị, công nghệ sản xuất tiên tiến với chất lượng sản phẩm cao và chi phí sản xuất thấp.

- Xây dựng chương trình và kế hoạch đồng bộ mang tầm chiến lược trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và thợ lành nghề. Việc đào tạo phải tiến hành theo phương châm vừa phát triển chiều rộng nhằm đáp ứng yêu cầu

trước mắt, nhưng đồng thời cũng vừa phải có kế hoạch đào tạo đội ngũ thợ lành nghề bậc cao để phát triển ngành trong tương lai.

- Tăng cường năng lực đào tạo cho các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề để đào tạo cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề, đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng cao của ngành Nhựa.

- Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng, đào tạo nghề cho ngành Nhựa. Trung tâm hoạt động có sự tài trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước và có nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị có khả năng chuyên môn xây dựng các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn, theo chuyên đề để cập nhật kiến thức và phổ biến thông tin mới nhất trong và ngoài nước cho các học viên.

b) Các cơ chế chính sách

Về tài chính, thuế:

- Các dự án đầu tư cho sản xuất khuôn mẫu, thiết bị ngành Nhựa cần được ưu đãi đầu tư như đối với ngành Cơ khí trọng điểm (cho vay vốn tín dụng đầu tư là 85% tổng mức đầu tư).

- Có cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các cụm công nghiệp chuyên phân loại, tái chế phế liệu nhựa như hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải; hỗ trợ việc ứng dụng khoa học công nghệ sạch, ít tiêu tốn nhiên liệu và thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, khuyến khích người dân tự phân loại rác thải đầu nguồn đồng thời cần có biện pháp hành chính bắt buộc người dân phải tự phân loại rác nhằm giảm bớt lượng rác thải ra môi trường tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy tái chế phế liệu nhựa.

- Xây dựng chính sách khuyến khích thu gom phế liệu nhựa trong nước để hình thành hệ thống thu gom lớn mang tính hiện đại góp phần bảo vệ môi trường và cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp xử lý phế thải nhựa.

- Có chính sách khuyến khích về tài chính, thuế đối với công tác đào tạo ngắn hạn về ngành nhựa cho các Trung tâm đào tạo.

Về nguồn vốn

- Kinh phí đào tạo cán bộ kỹ thuật cho ngành cần được Nhà nước hỗ trợ một phần thông qua các chương trình hỗ trợ hợp tác với nước ngoài.

- Các ngân hàng thương mại bảo lãnh ưu tiên cho các tổ chức, cá nhân vay để đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển ngành Nhựa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo phát triển

ngành Nhựa theo Quy hoạch được phê duyệt, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, tuyên truyền và phối hợp với các địa phương để cùng triển khai thực hiện và xây dựng các bước cụ thể theo định hướng nêu trong Quy hoạch; Theo dõi việc thực hiện Quy hoạch.

b) Kiến nghị với Chính phủ điều chỉnh cơ chế, chính sách, điều chỉnh mức thuế nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm nhựa cho phù hợp với tình hình thực tế để thúc đẩy phát triển ngành Nhựa.

2. Các Bộ, Ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo theo chức năng của mình, chủ trì và phối hợp với Bộ Công Thương trong việc: kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển ngành Nhựa; hỗ trợ tín dụng đầu tư có tính đặc thù đối với các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu và khuôn mẫu ngành Nhựa; hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành hoạt động, nghiên cứu đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ; tăng cường đầu tư đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành Nhựa.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cụ thể hoá Quy hoạch phát triển ngành Nhựa trên địa bàn tỉnh, thành phố; tham gia với các Bộ, Ngành kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

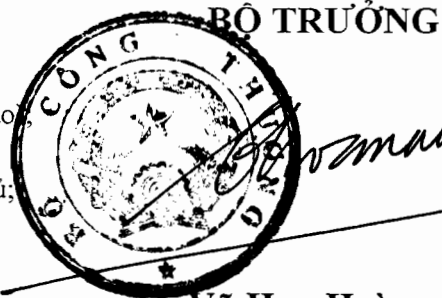
4. Hiệp hội Nhựa Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy hoạch; hướng dẫn các doanh nghiệp trong hiệp hội chấp hành Quy hoạch và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Website Bộ Công Thương;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- Các Vụ, Cục, Viện Nghiên cứu CLCSCN thuộc BCT;
- Lưu: VT, CNN(5).



Vũ Huy Hoàng

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUYÊN LIỆU NGÀNH NHỰA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2992** /QĐ-BCT
ngày **17** tháng **6** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (tấn/năm)	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Năm hoàn thành
GIAI ĐOẠN 2011-2015					
1.	Nhà máy sản xuất PE,	Dung Quất - Quảng Ngãi	350.000	320	2013
2.	N/m sản xuất PS	Dung Quất - Quảng Ngãi	60.000	70	2012
3.	Nhà máy sản xuất Melamine	Phú Mỹ - Vũng Tàu	30.000	140	2013
	Tổng			530	
GIAI ĐOẠN 2016-2020					
4.	N/m PVC-E	Nghi Sơn - Thanh Hoá	120.000	100	
5.	N/m PE	Nghi Sơn - Thanh Hoá	450.000	600	
6.	N/m PS	Nghi Sơn - Thanh Hoá	60.000	100	
7.	Cụm Phân xưởng sản xuất hạt nhựa	Bà Rịa - Vũng Tàu	-PXSX hạt nhựa HDPE 400.000 tấn/năm -PXSX hạt nhựa LDPE 250.000 tấn/năm -PXSX hạt nhựa PP 800.000 tấn/năm	1.500	
8.	Nhà máy PP	Miền Nam	60.000 tấn/năm	200	
	Tổng :			2.400	

Phụ lục 2:**DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN CHẾ TẠO THIẾT BỊ, KHUÔN MẪU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2992** /QĐ-BCT
ngày **17** tháng **6** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị : Triệu USD

Tên dự án	Địa điểm	2011-2015		2016-2020	
		Số DA	Vốn đầu tư	Số DA	Vốn đầu tư
Nhà máy chế tạo khuôn mẫu	Miền Nam	02	10	05	25
	Miền Bắc	01	5	03	15
Nhà máy chế tạo thiết bị	Miền Nam			01	50
	Miền Bắc			01	50
Tổng (triệu USD)			15		140

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TÁI CHẾ PHÉ LIỆU NGÀNH NHỰA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2992** /QĐ-BCT
ngày **17** tháng **6** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (tấn)	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Năm hoàn thành
GIAI ĐOẠN 2010-2015					
1	Nhà máy tái chế phế liệu nhựa	Miền Bắc Vinaplast	100.000	30	2013
2	Khu công nghiệp liên hợp xử lý và tái chế phế liệu nhựa	Miền Nam - TCTy CN Sài Gòn Cty CP Nhựa SG	150.000	50	2013
3	Nhà máy tái chế phế liệu nhựa	Miền Nam	150.000	50	2015
	Tổng cộng			130	
GIAI ĐOẠN 2016-2020					
4	Nhà máy tái chế phế liệu nhựa (hoặc mở rộng nhà máy đã có)	Miền Bắc	100.000	30	
5	Nhà máy tái chế phế liệu nhựa (hoặc mở rộng nhà máy đã có)	Miền Nam	100.000	30	
	Tổng cộng			60	